

BÁO CÁO NHANH
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 12/10/2021

I. Tình hình dịch bệnh

1. Số ca mắc:

		Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số ca mắc		484	Giảm (2,6%)	56.509
Đang điều trị (14.225)	<i>Tầng 3</i>	11	Tăng (57,1%)	130
	<i>Tầng 2</i>	239	Giảm (20,9%)	4.774
	<i>Tầng 1</i>	202	Giảm (41,6%)	4.777
	<i>Khác</i>			4.544
Khỏi bệnh*		774	Tăng (0,5%)	41.777
Tử vong*		0	Giảm (100,0%)	507

*Số khỏi bệnh, tử vong báo cáo theo danh sách cấp giấy ra viện và bệnh án tử vong trong ngày.

2. Tình hình xét nghiệm:

	Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số xét nghiệm thực hiện	16.927	Giảm (20,4%)	3.273.706
Dương tính	1.195 (484 ca mới, 711 theo dõi điều trị)	Tăng (9,8%)	133.713
Âm tính	15.553	Giảm (22,6%)	3.118.197

- 06 cơ sở xét nghiệm khẳng định trên địa bàn tỉnh: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, BVĐK Đồng Nai, BVĐK Thống Nhất, BV Quốc tế Đồng Nai, BVĐKKV Long Khánh, PKĐK An Phúc Sài Gòn.

- 04 phòng xét nghiệm được phép thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR: BV Nhi đồng Đồng Nai, PKĐK Quốc tế Mỹ, PKĐK Dân Y Biên Hòa, PKĐK Ái Nghĩa Nhơn Trạch..

- Trong ngày có 1.195/16.927 mẫu xét nghiệm dương tính với SARS-CoV-2, chiếm tỉ lệ 7,0%.

3. Tình hình cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	276	8.017	27.348	35.365
Cách ly tại nhà	464	18.054	56.654	74.708
Theo dõi sức khỏe	181	8.864	21.808	30.672

Trong ngày: 256 F1 (cộng dồn 23.786), 23 F2 (cộng dồn 32.715)

4. Tình hình lao động nước ngoài nhập cảnh cách ly trên địa bàn tỉnh:

- Cộng dồn: 1.729 trường hợp
- Đang thực hiện cách ly: 37 trường hợp
- Đã hoàn thành cách ly: 1.692 trường hợp

Trong đó: ghi nhận 03 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2 (quốc tịch Ấn Độ) được cách ly ngay sau khi nhập cảnh; 34 trường hợp nhập cảnh trái phép (quốc tịch Trung Quốc).

5. Tình hình phòng, chống dịch tại các doanh nghiệp trong KCN

- Ca F0 trong ngày: 04 ca, lũy kế 2.327 ca F0/137.357 tổng số LĐ Doanh nghiệp thực hiện 3T.

- DN có F0 trong ngày: 02 DN; Lũy kế DN 3T có F0: 86/1.190 tổng số DN thực hiện 3T. Chi tiết Doanh nghiệp có ca nhiễm như sau:

+ Cty TNHH International B2B Solution -Chi nhánh KCN Nhơn Trạch I: 02 ca F0 chuyển từ F1.

+ Công ty TNHH Center Power Tech - KCN Nhơn Trạch II: 02 ca F0 chuyển từ F1.

- Điều trị khỏi: 1.734/2.327 ca F0 của doanh nghiệp thực hiện 3T, chiếm 74,52%

- Đang điều trị: 594 ca, chiếm 25,53%.

II. Các hoạt động đã triển khai thực hiện

1. Thu dung, điều trị:

- Trong ngày, 774 bệnh nhân được xác nhận điều trị khỏi, xuất viện, bàn giao về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe theo quy định; không ghi nhận ca bệnh tử vong do COVID-19.

- 103 ca là phụ nữ đang mang thai, 1.394 ca dưới 18 tuổi, 405 ca trên 65 tuổi và có bệnh lý nền.

- 33 ca bệnh diễn tiến nguy kịch (suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS), suy đa tạng, sốc nhiễm trùng,...);

+ 31 ca thở máy xâm lấn

+ 02 ECMO

- 298 ca bệnh có diễn tiến nặng (viêm phổi nặng);
- 2.785 ca có triệu chứng nhẹ-trung bình, 6.804 ca không triệu chứng.

c) Phân tầng điều trị

- Số giường cách ly theo dõi F0 không triệu chứng do các huyện/TP quản lý (Tầng 1): 14.690 giường (trồng 6.982 giường).
 - Số giường Bệnh viện dã chiến (Tầng 2): 8.964 giường (trồng 3.613 giường)
 - Số giường Hồi sức tích cực (Tầng 3): 410 giường (trồng 271 giường)
- (Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

2. Hoạt động cách ly theo dõi, giám sát đối tượng:

- 484 ca bệnh mới ghi nhận trên địa bàn tỉnh có 04 ca sàng lọc trong cộng đồng, 73 ca trong khu phong tỏa và 407 ca trong khu cách ly. Trong đó:
+ 04 ca trong cộng đồng tại Biên Hòa (01), Thống Nhất (01), Vĩnh Cửu (02).
Cụ thể:

- 01 ca tại tổ 1, khu phố 1, phường Tân Hiệp, Biên Hòa. Nhà không trong vùng phong tỏa, ngày 11/10 đến công ty test nhanh để đi làm kết quả dương tính với SARS-CoV-2. Chưa rõ nguồn lây.
- 01 ca tại ấp Hưng Nghĩa, xã Hưng Lộc, Thống Nhất. Đang điều tra dịch tễ.
- 01 ca tại ấp 6+7 xã Thiện Tân, Vĩnh Cửu. Đang điều tra dịch tễ.
- 01 ca tại ấp 3, xã Vĩnh Tân, Vĩnh Cửu. Đang điều tra dịch tễ.

+ 73 ca trong khu phong tỏa: Ghi nhận nhiều nhất tại phường Trảng Dài (12) – Biên Hòa; TT Trảng Bom (18), Bắc Sơn (11) – Trảng Bom; Tân Bình (11), Vĩnh Cửu.

+ Ngoài ra ghi nhận 43 ca nhiễm tại công trình Aqua City Long Hưng, Biên Hòa được cách ly tại chỗ.

- Hiện còn 73 trường hợp test nhanh đang chờ kết quả khẳng định bằng phương pháp Realtime RT-PCR tại Trảng Bom (71), Cẩm Mỹ (02); các phòng xét nghiệm ghi nhận 179 mẫu nghi ngờ, gộp dương chờ kết quả khẳng định.

- Điều tra, truy vết và chuyển cách ly tập trung các đối tượng nguy cơ, trong đó: Biên Hòa 149 (20 trường hợp test nhanh dương tính), Nhơn Trạch 74, Định Quán 48, Trảng Bom 05;

3. Hoạt động kiểm dịch y tế:

- Kiểm dịch cảng trong ngày: 01 tàu, 19 người
- Cộng dồn: 1.168 tàu, 21.813 người

(Đã ghi nhận: 03 trường hợp thuyền viên quốc tịch Philippin dương tính)

4. Hoạt động tiêm chủng vắc xin ngừa COVID-19:

Cơ bản hoàn thành tiêm chủng Đợt 1-8, đang triển khai Đợt 9, 10, 11, 12, 13

- **Tổng số tiêm trong ngày: 93.793 liều.**

Trong đó: Mũi 1: 9.914 người; Mũi 2: 83.879 người.

- Số liều vắc xin còn lại: 389.622 liều.

Đến hiện tại, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tiêm **3.027.042 liều** vắc xin COVID-19 cho **2.394.064 người** (chiếm tỉ lệ **106,21%** đối tượng trên 18 tuổi toàn tỉnh), trong đó có **632.978 người** đã tiêm đủ liều (chiếm tỉ lệ **28,08%**).

5. Các hoạt động khác:

- Duy trì hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh;
- UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 08/10/2021 về việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 và từng bước phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19;
- Ngành công an chủ trì, phối hợp ngành y tế và các ban ngành liên quan thực hiện Kế hoạch số 5990/PA-UBND ngày 01/6/2021 và Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 về việc triển khai lực lượng kiểm soát, phòng, chống dịch bệnh COVID-19 từ các tỉnh, thành phố khác đến địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm: 10 chốt kiểm soát cấp tỉnh (bao gồm 08 chốt đường bộ và 02 chốt đường thủy) và 12 chốt kiểm soát cấp huyện, Thực hiện khai báo y tế, kiểm tra thân nhiệt và đeo khẩu trang đối với 100% người và phương tiện, Đồng thời triển khai thực hiện Công văn số 1294/CAT-PA03 ngày 01/5/2021 về việc tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm quy định phòng chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh;

III. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

1. Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày ghi nhận 04 ca trong cộng đồng rải rác tại Biên Hòa (01), Thống Nhất (01), Vĩnh Cửu (02).
- 73 ca trong khu phong tỏa: Ghi nhận nhiều nhất tại phường Trảng Dài (12) – Biên Hòa; TT Trảng Bom (18), Bắc Sơn (11) – Trảng Bom; Tân Bình (11), Vĩnh Cửu.
- Ghi nhận thêm 43 ca nhiễm tại công trình Aqua City Long Hưng, Biên Hòa được cách ly tại chỗ.
- Tỉ lệ bao phủ mũi 1 vắc xin cho người trưởng thành trên địa bàn tỉnh đạt 106,21%, mũi 2 là 28,08%. (Tỉ lệ trên 100% do bao gồm các trường hợp ngoại tỉnh hiện đang sinh sống, làm việc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được tiêm vắc xin tại tỉnh)

IV. Kiến nghị

- Thực hiện Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 08/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 và từng bước phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Các sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng nhằm sớm nhất đạt mục tiêu 100% người dân toàn tỉnh được tiêm đủ liều vắc xin phòng COVID-19.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lấy nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.

- Theo dõi sức khỏe tại địa phương đối với các trường hợp có lịch sử di chuyển đi khám, chữa bệnh tại các bệnh viện về.

Trên đây là báo cáo nhanh công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

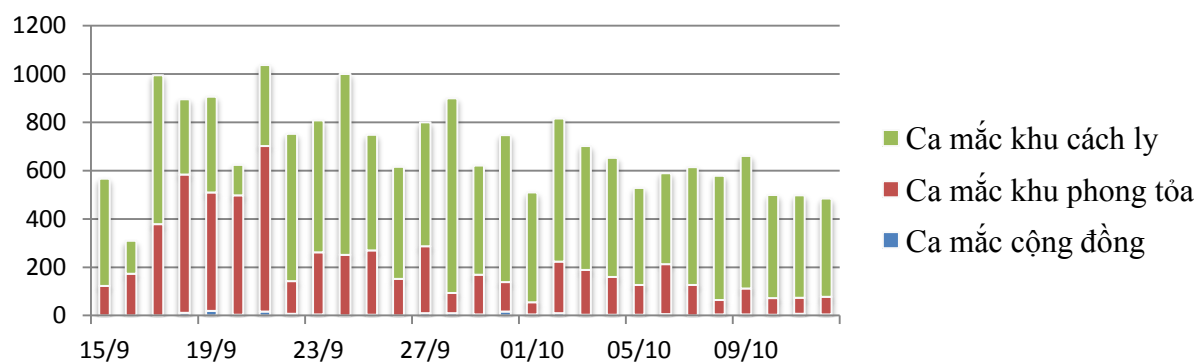
**KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ**

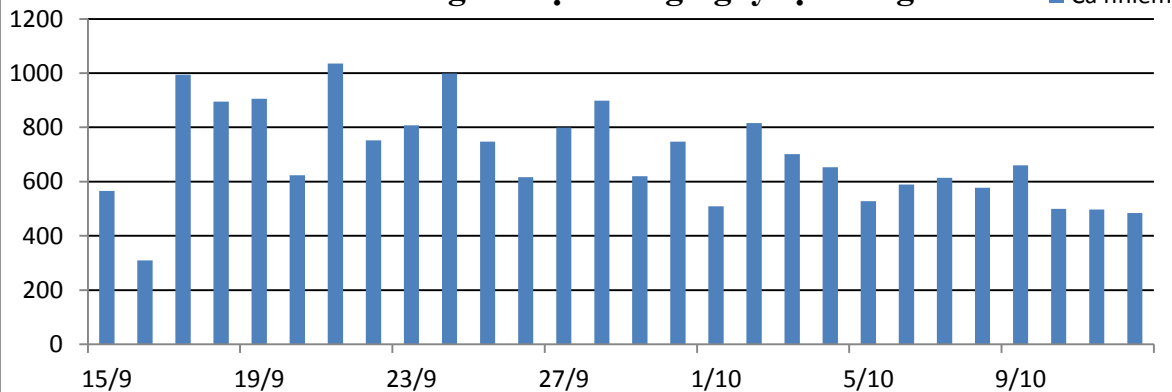
Phụ lục 1: Số ca mắc từ ngày 27/4 đến nay (đợt dịch thứ 4)

STT	Xã/phường	Trong ngày					Lũy kế
		Số ca nhiễm mới	Tăng/giảm	Cộng đồng	CLTT	Khu phong tỏa	
1	Biên Hòa	229	-8,4%	1	213	15	24.327
2	Nhon Trạch	128	6,7%	0	128	0	13.743
3	Vĩnh Cửu	33	6,5%	2	14	17	10.071
4	Trảng Bom	64	33,3%	0	34	30	4.926
5	Long Thành	3	-72,7%	0	3	0	1.104
6	Thống Nhất	5	25,0%	1	0	4	572
7	Long Khánh	0	-100,0%	0	0	0	358
8	Xuân Lộc	1	0,0%	0	1	0	321
9	Định Quán	6	-53,8%	0	6	0	290
10	Cẩm Mỹ	5	25,0%	0	5	0	271
11	Tân Phú	10	150,0%	0	3	7	139
12	Ngoại tỉnh, khác	0	-100,0%	0	0	0	355
Tổng cộng		484	-2,6%	4	407	73	56.477

Biểu đồ phân bố ca mắc theo dịch tễ



Số ca nhiễm ghi nhận trong ngày tại Đồng Nai



Phụ lục 2: Theo dõi ca nhiệm trong ngày

Phụ lục 4: Tiến độ tiêm ngừa vắc xin COVID-19 trên địa bàn tỉnh

STT	Địa phương	Đã tiêm thực tế (Dữ liệu lấy từ CDC cung cấp hàng ngày theo các đợt)			Đã cập nhật hệ thống (Dữ liệu lấy từ hệ thống MCC)			Tiến độ đã cập nhật	Số lượng tiêm thực tế trong ngày	Số lượng mũi tiêm cập nhật hệ thống trong ngày	Xếp hạng (theo %)	Số người đăng ký tiêm chủng
		Mũi 1	Mũi 2	Tổng cộng	Mũi 1	Mũi 2	Tổng cộng					
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A	Tỉnh Đồng Nai	2.384.150	549.099	2.933.249	2.480.399	674.423	3.154.822	108%	42.262	55.473		1.237.055
1	Thành phố Biên Hòa	860.447	239.301	1.099.748	873.786	281.501	1.155.287	105%	3.748	9.784	5	405.072
2	Thành phố Long Khánh	121.037	38.021	159.058	126.716	37.702	164.418	103%	20	653	9	72.294
3	Huyện Xuân Lộc	177.296	14.661	191.957	181.978	13.129	195.107	102%	1.466	1.234	11	30.657
4	Huyện Tân Phú	99.233	11.162	110.395	105.508	10.070	115.578	105%	10.690	4.272	7	59.709
5	Huyện Cẩm Mỹ	92.650	16.930	109.580	94.138	20.679	114.817	105%	(2.257)	1.424	6	105.331
6	Huyện Trảng Bom	250.687	37.324	288.011	257.912	74.982	332.894	116%	423	9.622	3	127.871
7	Huyện Định Quán	113.718	15.131	128.849	133.620	14.558	148.178	115%	3.469	2.658	4	65.412
8	Huyện Vĩnh Cửu	126.482	52.309	178.791	132.160	52.940	185.100	104%	2.958	8.428	8	31.502
9	Huyện Long Thành	210.217	44.815	255.032	216.878	42.468	259.346	102%	2.246	6.660	10	155.968
10	Huyện Thống Nhất	105.336	22.171	127.507	110.731	39.973	150.704	118%	18.093	5.457	1	130.165
11	Huyện Nhơn Trạch	227.047	57.274	284.321	246.972	86.421	333.393	117%	1.406	5.281	2	53.074

Phụ lục 5: Tình hình điều trị F0 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)	Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó						Phụ nữ có thai	BN < 18 tuổi	< 65 tuổi và không có bệnh lý nền	> 65 tuổi và có bệnh lý nền	Khả năng còn tiếp nhận
									Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Có triệu chứng (ho, sốt, đau họng...)	Không triệu chứng					
													Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn								
TẦNG 3																						
1	BVĐN/ HSTC	40	40	3	0	0	0	28		157	0	6	0	18	4	0	0	0	0			12
2	BVTN/TTHSTC	400	200	6	1	2	0	72	189	223	56	18	4	15	17			1	3	50	22	128
3	BVĐKKVLK/HSTC	100	40	1	2	0	0	17	56	38	31	3	0	0	14	0	0	0	2	7	3	23
4	BVĐKKVLT	100	100	0	0	0	0	12	70	35	0	1	0	0	11	0	0	0	0	11	1	88
5	BV Nhi ĐN	20	10					0		1												
6	BV Định Quán	60	11	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11
9	BV Đồng Nai 2	10	2	1	0	0	0	1	121	0	307	1	0	0	0	1	0	0	0	1	0	9
Tổng cộng (tầng 3)		730	403	11	3	2	0	130	437	454	394	29	4	33	46	1	0	1	5	69	26	271
TẦNG 2																						
1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	285	8	0	0	0	132	24	2	1387	2	0	0	1	53	78	4	24	103	1	153
2	Bệnh viện dã chiến số 2	350	370	14	0	1	0	234	95	0	1380	0	0	0	5	114	70	8	75	156	17	100
3	Bệnh viện dã chiến số 3	550	500	27	0	4	0	460	73	0	2264	0	0	0	21	17	422	14	104	446	106	40
4	Bệnh viện dã chiến số 4	360	345	12	0	0	0	263	67	0	1766	0	0	0	0	43	220	0	82	251	1	82
5	Bệnh viện dã chiến số 5	300	316	0	0	0	0	170	41	0	1178	0	0	0	0	65	105	1	54	164	6	30
6	Bệnh viện dã chiến số 6	1200	1090	13	25	0	0	513	110	0	4867	0	0	0	9	137	367	7	123	465	11	497
7	Bệnh viện dã chiến số 7	730	700	18	28	3	0	680	142	1	3684	0	0	0	12	293	375	10	205	430	35	20
8	Bệnh viện dã chiến số 8	650	635	11	16		0	584	43	0	1870	0	0	0	18	169	397	5	143	429	12	51
9	Bệnh viện dã chiến số 9	1000	662	51	53	1	0	473	23	0	1974	0	0	0	1	284	188	3	118	416	2	189
10	Bệnh viện dã chiến số 10	850	807	38	27	1	0	629	74	0	2736	0	0	0	32	252	377	3	149	453	17	178

11	Bệnh viện dã chiến số 11	3000	2590	0	113	0	0	193	11	0	260	0	0	0	4	133	60	3	53	170	7	100
12	Bệnh viện Da liễu	150	150	0	6	0	0	41	23	0	635	0	0	0	2	21	20	0	1	34	0	80
13	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	150	74	5	6	1	0	49	119	14	293	0	0	0	28	32	10	2	1	8	20	25
14	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	13	8	0	0	65							0	47	18		37	27	1	0
15	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	0	1	0	0	12	0	0	181	0	0	0	0	12	0	0	2	11	1	
16	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	60	30	1	0	0	0	10	7	0	21	0	0	0	5	10	0	0	0	8	2	20
17	Bệnh viện Phổi	60	11	0	0	0	0	2		5		0	0	0	0	0	2	0	0	0		
18	Bệnh viện Đồng Nai 2	10	102	4	20	1	0	91	122	0	327	1	0	0	2	22	96	3	14	57	20	0
19	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	35	35	5	3	1	0	95				0	0	0	0	30	65	0	0	35	10	0
20	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	19	14	0	0	46	27	1	166	0	0	0	0	18	28	0	13	30	3	19
21	Khoa Nhiệt đới BVTN	12	17	0	1	0	0	19	18	0	45	0	0	0	5	19	0	0	1	5	11	0
22	Bệnh viện Tâm thần TW 2	400	200		2			13			303					3	10					
Tổng cộng (tầng 2)		10497	9194	239	323	13	0	4774	1019	23	25337	3	0	0	145	1774	2908	63	1199	3698	283	1584
TẦNG 1																						
1	Biên Hòa	4459	3575	121	95	12	0	2321	1080	12	6518	0	0	0	18	551	1920	11	718	1939	65	1459
2	Long Khánh	400	310	0	1	0	0	24	39	0	91	0	0	0	0	10	14	0	4	23	0	286
3	Vĩnh Cửu	3393	3343	35	74	12	0	328	1436	3	6504	0	0	0	0	36	292	2	86	238	4	2770
4	Định Quán	100	89	4	0	4	0	27	46	0	80	0	0	0	0	19	7	1	5	18	0	
5	Tân Phú	60	60	7	0	0		30	61	0	4	0	0	0	0	0	30	0	2	30	0	30
6	Trảng Bom	1328	982	23	55	27	0	386	1462	2	3477	0	0	0	0	12	374	4	125	249	8	688
7	Thống Nhất	130	140	3	0	3	0	5	100	0	15	0	0	0	0	0	5	0	1	5	0	140
8	Xuân Lộc																					
9	Cẩm Mỹ	500	200	5	2	0	0	73	7	0	35	0	0	0	0	32	41	1	18	53	0	127
10	Long Thành	250	250	4	15	0	0	81	40	0	848	0	0	0	0	0	81	0	19	61	1	169
11	Nhon Trạch	3230	2810	0	33	87	0	1502	0	15	3922	0	0	0	20	350	1132	20	416	1068	18	1308
TỔNG CỘNG (Tầng 1)		13850	11759	202	275	145	0	4777	4271	32	21494	0	0	0	38	1010	3896	39	1394	3684	96	6982
TỔNG TẦNG (3+2+1)		25077	21356	452	601	160	0	9681	5727	509	47225	32	4	33	229	2785	6804	103	2598	7451	405	8837